

KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC TRONG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG SAU KHI TRỞ THÀNH THÀNH VIÊN CỦA WTO

TH.S. NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

Ngày 10/11/2001, Hội nghị lần thứ 4 cấp Bộ trưởng các nước thành viên tổ chức Thương mại thế giới (WTO) họp tại Doha, thủ đô Cata, đã nhất trí thông qua quyết định kết nạp Trung Quốc vào Tổ chức thương mại thế giới sau 15 năm đàm phán. Gia nhập WTO, Trung Quốc hy vọng, đây sẽ là cơ hội và động lực thúc đẩy mạnh mẽ quá trình cải cách mở cửa, hiện đại hóa đất nước. Giờ đây, khi đã trở thành nước thành viên của WTO, Trung Quốc đã và đang đứng trước những cơ hội hết sức to lớn và thách thức không nhỏ. Theo các chuyên gia, sau khi gia nhập WTO, công việc quan trọng nhất đối với Trung Quốc là nhanh chóng điều chỉnh hệ thống pháp chế, bỏ một số luật cũ, soạn thảo một số luật mới phù hợp với các quy định và điều lệ của WTO, nhanh chóng thích nghi với sức ép từ nhiều phía. Đồng thời, giải quyết tốt các vấn đề về công ăn việc làm và giữ gìn trật tự trị an xã hội;

duy trì hoạt động của những xí nghiệp quốc hữu chủ chốt; khắc phục những tác động xấu đối với một số ngành nghề chủ lực của Trung Quốc... Để phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, trong tiến trình cải cách mở cửa, Trung Quốc đã nhiều lần điều chỉnh và cải cách chính sách, hệ thống luật pháp, nhất là từ sau khi trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Những nỗ lực và cố gắng nêu trên đã đưa nền kinh tế Trung Quốc không ngừng phát triển lớn mạnh, vượt lên trên cả Nhật Bản và trở thành quốc gia đứng thứ hai thế giới, sau Mỹ. Giới kinh tế cho rằng, trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế hiện nay, với những thế mạnh của mình, các nước phát triển thu được lợi ích nhiều hơn các nước đang phát triển. Tuy vậy, Trung Quốc là quốc gia đang phát triển, song lại thu được nhiều lợi ích hơn cả.

Ở Trung Quốc, ngoại thương được xem là một ngành kinh tế mũi nhọn, giữ vị trí

then chốt trong nền kinh tế đất nước. Thực hiện cải cách và điều chỉnh chính sách ngoại thương là yêu cầu bắt buộc và đòi hỏi khách quan của WTO, cũng như của nền kinh tế Trung Quốc và bản thân ngành ngoại thương, khi nước này gia nhập WTO. Điều chỉnh chính sách ngoại thương là vấn đề được Nhà nước Trung Quốc hết sức quan tâm, coi đây là yếu tố cơ bản đầu tiên thực hiện những cam kết với WTO, mở đường cho nền kinh tế Trung Quốc hội nhập ngày càng sâu vào kinh tế thế giới. Trong khi thực hiện chương trình điều chỉnh chính sách ngoại thương, Trung Quốc đã tập trung vào những nội dung chủ yếu như: Tiến hành điều chỉnh cơ cấu quản lý hành chính đối với ngành ngoại thương; Tách chức năng chính quyền và doanh nghiệp, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh ngoại thương, khắc phục tình trạng chính quyền can thiệp vào hoạt động của ngành ngoại thương, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động ngoại thương phát triển; Thực hiện cải cách thể chế kế hoạch trong ngoại thương, khắc phục tình trạng tập trung quá lớn và quản lý chặt chẽ, làm theo mệnh lệnh hành chính, xem nhẹ vai trò của thị trường...; Tiến hành cải cách thể chế về quản lý ngoại hối và thuế, đồng thời thực hiện việc nới lỏng và mở rộng quyền kinh doanh ngoại thương trong tiêu thụ và xuất khẩu hàng hóa bằng nhiều kênh khác nhau; Kết hợp công nghiệp kỹ thuật với mậu dịch, xóa bỏ sự tách rời giữa sản xuất và tiêu thụ hàng hóa; Coi trọng việc tiếp nhận và áp dụng thành quả của khóa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh ngoại thương,

nâng cao chất lượng sản phẩm; Triển khai chế độ đại lý xuất, nhập khẩu; Thực hiện chế độ trách nhiệm và khoán trong hoạt động ngoại thương.

Những cải cách và điều chỉnh chính sách ngoại thương của Trung Quốc trong thời gian qua, nhất là sau khi trở thành thành viên chính thức của WTO, chẳng những đã nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngành ngoại thương, mà còn góp phần thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc phát triển mạnh mẽ, đạt những thành tựu to lớn, ngoạn mục, được cả thế giới công nhận và ngưỡng mộ. Quá trình đó, cũng chỉ ra nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích cho Trung Quốc và nhiều quốc gia khác. Chúng ta có thể nghiên cứu vận dụng các kinh nghiệm của Trung Quốc vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

1. Nâng cao nhận thức và hiểu biết chung của xã hội về WTO và sự cần thiết khách quan của việc điều chỉnh chính sách ngoại thương sau khi giai nhập WTO.

Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, Trung Quốc gia nhập WTO trong hoàn cảnh khi mọi người dân, kể cả các thành viên chính phủ, các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội, đến các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế ở Trung Quốc hầu như chưa có những kiến thức và hiểu biết đầy đủ về Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đặc biệt, ngay cả trong các cơ quan của Chính phủ Trung Quốc, nhận thức cũng rất khác nhau, số đông đồng tình ủng hộ chủ trương gia nhập WTO, nhưng cũng có nhiều người không đồng tình, thậm chí có những ý kiến phản ứng khá gay gắt và cho

rằng gia nhập WTO như “rước sói vào nhà”. Đây thực tế là một khó khăn, trở ngại không nhỏ của Trung Quốc trong quá trình vận động để gia nhập WTO.

Nhận thức sâu sắc những khó khăn, thuận lợi và thách thức trong khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã đặc biệt chú trọng công tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong nhân dân và các tầng lớp trong xã hội, trước hết là trong đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan chính phủ, đoàn thể nhân dân, các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế,... giúp mọi người hiểu rõ sự cần thiết phải gia nhập WTO. Đồng thời phải làm gì và làm như thế nào để phát huy nội lực, khai thác có hiệu quả những thuận lợi, tranh thủ thời cơ, hạn chế thách thức, trong thực hiện các cam kết và quy định của WTO. Nhà nước Trung Quốc đã đưa ra các chương trình, kế hoạch và biện pháp thích hợp tích cực điều chỉnh chính, hệ thống luật pháp nói chung, chính sách ngoại thương phù hợp yêu cầu của hoàn cảnh mới trong hội nhập với nền kinh tế thế giới. Việc điều chỉnh chính sách ngoại thương phải vừa tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc của WTO, vừa phù hợp với lợi ích kinh tế của Trung Quốc. Đây là yêu cầu được các cấp lãnh đạo chính quyền từ Trung ương đến địa phương và cơ sở, doanh nghiệp và các nhà sản xuất kinh doanh, cũng như mọi người dân Trung Quốc quán triệt và quyết tâm thực hiện. Lợi ích kinh tế của đất nước được đặt lên hàng đầu trong quá trình điều chỉnh chính sách nói chung, chính sách ngoại thương nói riêng.

Trong 9 năm qua, từ khi trở thành thành viên của WTO, Chính phủ Trung

Quốc đã liên tục điều chỉnh chính sách ngoại thương, theo hướng dần dần bắt nhịp được những quy định của WTO và những cam kết của Chính phủ Trung Quốc với WTO phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế đất nước trong từng giai đoạn cụ thể. Sự chỉ đạo sát sao, phân công cụ thể, sự điều hành quyết liệt của các cấp lãnh đạo và điều hành Chính phủ Trung Quốc, cùng với sự đồng thuận của nhân dân và xã hội là những yếu tố có ý nghĩa quyết định sự thành công trong việc điều chỉnh chính sách và thực hiện các cam kết gia nhập WTO, đưa Trung Quốc ngày càng có vai trò và vị thế trên trường quốc tế. Những nội dung chủ yếu được Trung Quốc quán triệt trong khi gia nhập và thực hiện các cam kết của WTO. Đó là:

Thứ nhất là, thống nhất nhận thức và quan điểm về gia nhập WTO. Theo nhận thức chung của Trung Quốc, gia nhập WTO là phù hợp với xu thế tất yếu của tiến trình toàn cầu hoá và hội nhập. Đồng thời, cũng là quá trình tiếp tục đường lối cải cách mở cửa. Giới kinh tế cho rằng, việc gia nhập WTO của Trung Quốc là một cuộc "cải cách mở cửa lần thứ hai" và khẳng định, gia nhập WTO đã mang lại cho nước này những lợi ích to lớn, giúp Trung Quốc ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tạo cơ hội nâng cao vai trò và uy tín của Trung Quốc trên trường quốc tế, đặc biệt trong việc tạo lập các quyết định cũng như định ra các luật lệ về thương mại quốc tế; tạo môi trường kinh tế và chính trị thuận lợi hơn cho Trung Quốc, nhất là trong thu hút đầu tư và viện trợ ODA; giúp Trung Quốc mở rộng thị phần trên thị trường quốc tế.

Những kết quả đó là yếu tố cơ bản đẩy nhanh quá trình cải cách ở trong nước.

Tuy nhiên, Trung Quốc cũng thấy rằng, gia nhập WTO không phải là “món quà Thượng đế” ban tặng, mà là sức ép nội tại của nền kinh tế và đất nước Trung Quốc, đòi hỏi phải đổi mới và cải cách để phát triển phù hợp xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Gia nhập WTO để Trung Quốc có thêm cơ hội và điều kiện để đẩy nhanh sự phát triển đi lên của đất nước. Gia nhập WTO là cơ hội, không phải là mục đích tự thân và lợi ích tự đến. Việc tận dụng được cơ hội là điều kiện để phát triển, nếu không kết quả sẽ ngược lại.

Thứ hai là, thống nhất mục tiêu trong gia nhập WTO. Mục đích tối thượng của việc gia nhập WTO, là tận dụng cơ hội để mở rộng thị trường hàng hoá và dịch vụ, thu hút vốn đầu tư, công nghệ, kỹ năng quản lý, nhằm phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, nâng cao vị thế của đất nước. Gia nhập WTO chỉ là phương tiện và điều kiện để thực hiện những mục tiêu nói trên. Tận dụng tốt cơ hội của việc gia nhập, sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu đặt ra nói trên. Gia nhập WTO hoàn toàn phù hợp với mục tiêu và đường lối cách mạng của nhân dân và đất nước Trung Quốc - xây dựng CNXH ở Trung Quốc. Ông Long Vĩnh Đồ, nguyên Trưởng đoàn đàm phán gia nhập WTO của Trung Quốc, Tổng Thư ký Diễn đàn kinh tế châu Á – Bắc Ngao và ông Cốc Nguyên Dương, Giáo sư Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Á - Phi thuộc Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện Trung Quốc đã nói rằng: Trung Quốc gia nhập WTO không phải là

mục đích cuối cùng, mà chỉ là công cụ để thúc đẩy cải cách kinh tế trong nước, cũng như đẩy nhanh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước yếu kém. Sau khi gia nhập WTO, môi trường xuất khẩu của Trung Quốc được cải thiện mạnh mẽ, xã hội có nhiều thay đổi, tiến trình cải cách, mở cửa trong nước được thúc đẩy nhanh. Trước khi gia nhập WTO, các nhà đầu tư nước ngoài thường phàn nàn về tính minh bạch, nhưng sau khi gia nhập WTO, tính minh bạch về chính sách thương mại, đầu tư được cải thiện rõ rệt, hệ thống pháp luật và hành chính được vận hành và tổ chức phù hợp với những quy định của WTO. Sau khi gia nhập WTO, đồng thời với việc hưởng những quyền lợi của thể chế mậu dịch đa biên, các doanh nghiệp còn phải đối mặt với sự cạnh tranh trực tiếp của thị trường quốc tế.

Thứ ba là, nhìn nhận về lợi ích và rủi ro, cơ hội và thách thức của việc gia nhập WTO, Trung Quốc cho rằng, việc gia nhập WTO sẽ mang lại lợi ích tổng thể và dài hạn, đưa nền kinh tế của Trung Quốc phát triển với chuẩn mực chung của thế giới. Song, để đạt được lợi ích đó, đòi hỏi sự nỗ lực tiếp tục đổi mới của Đảng và Chính phủ Trung Quốc. Đây là một quá trình lâu dài và liên tục. Do đó, cần tận dụng thời cơ, khắc phục tâm lý nóng vội, tư tưởng cục bộ. Cơ hội và thách thức của việc gia nhập WTO đan xen lẫn nhau. Tuyệt đối hoá lợi ích, trông đợi và hy vọng quá mức vào cơ hội, coi thường thách thức trong việc gia nhập sẽ dẫn đến tâm lý chủ quan, chờ đợi. Ngược lại, quá lo lắng với rủi ro, sẽ dẫn đến tâm lý bi quan, thụ động, mất tinh táo để chủ động đối phó và vượt qua thách thức.

Thứ tư là, nhận thức về trách nhiệm và vai trò của các lực lượng xã hội trong việc tận dụng cơ hội và đối phó với thách thức. Người Trung Quốc cho rằng, trước hết phải xác định chủ thể gia nhập WTO là Chính phủ. Chính phủ là người đưa ra cam kết và thực hiện cam kết, do đó, Chính phủ phải là người đi trước, là người phải thay đổi trước. Tuyên bố gia nhập WTO, cũng có nghĩa là Chính phủ đã cam kết trước toàn dân tộc, đẩy mạnh cải cách, tạo dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, tạo điều kiện cho hoạt động của doanh nghiệp hiệu quả hơn, các nhóm xã hội thu được nhiều lợi ích hơn. Kiên quyết xử lý các vấn đề nảy sinh để phát triển kinh tế, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội. Doanh nghiệp vừa là lực lượng trực tiếp tham gia hội nhập vừa là chủ thể tham gia vào cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Môi trường kinh doanh tốt, thể chế và chính sách phù hợp sẽ có những doanh nghiệp mạnh. Phối hợp hành động, phát huy vai trò và sức mạnh tổng hợp của dân tộc và toàn xã hội, tận dụng cơ hội, đối phó hiệu quả với thách thức, phải là phương châm trong gia nhập WTO của Trung Quốc.

Thứ năm là, nhận thức về việc phát huy nội lực và ngoại lực. Trung Quốc cho rằng, gia nhập WTO là sự tiếp tục quá trình cải cách. Cơ hội của việc gia nhập WTO là rất to lớn. Tuy nhiên, để tận dụng được cơ hội, yếu tố quyết định đầu tiên là phát huy sức mạnh nội lực của toàn dân tộc, coi việc gia nhập WTO là một cơ hội để phát huy cao nhất ý chí, tinh thần và sức mạnh vật chất của dân tộc. Đồng thời, tranh thủ và khai thác có hiệu quả các yếu

tố ngoại lực, góp phần thúc đẩy phát huy nội lực, tạo sức mạnh để phát triển bền vững.

Những quan điểm chỉ đạo nhận thức nêu trên của Trung Quốc, sau khi gia nhập WTO là những nội dung và phương châm rất đáng được quan tâm, trong quá trình tham gia hội nhập của Việt Nam, nhất là từ sau khi gia nhập WTO.

2. Nắm chắc các quy tắc và điều luật của WTO, tận dụng các điều khoản ngoại lệ, thực hiện có trọng điểm việc bảo hộ đối với các ngành trong nước

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy không thể thực hiện tốt và có hiệu quả việc điều chỉnh chính sách ngoại thương, nếu như không nắm chắc các điều luật và quy định của WTO, tận dụng được các điều khoản ngoại lệ, tiến hành bảo hộ có trọng điểm đối với các ngành kinh tế trong nước.

Đây là một kinh nghiệm thực tiễn quan trọng, trong quá trình tiến hành điều chỉnh chính sách ngoại thương của Trung Quốc, sau khi nước này gia nhập WTO. Từ kinh nghiệm này, chúng ta thấy có ba vấn đề phải quan tâm và thực hiện triệt để: *Trước hết*, trên cơ sở nắm chắc các điều luật và quy định của WTO, Trung Quốc vận dụng các điều khoản ngoại lệ về bảo hộ các ngành công nghiệp non trẻ của mình; cố gắng đưa những ngành nghề mới, thiếu sức cạnh tranh quốc tế, không thể trở thành ngành nghề dẫn đầu nền kinh tế, vào dạng công nghiệp non trẻ. Đồng thời, với việc giữ mức thuế tương đối cao, duy trì thủ tục hành chính một cách hợp lý, khôn khéo, linh hoạt như, giấy phép, hạn ngạch, áp dụng các biện pháp trong

thời kỳ bảo hộ nhằm nhanh chóng gia tăng sức cạnh tranh. *Hai là*, tận dụng tốt việc WTO cho phép các nước đang phát triển trong quá trình giảm nhượng thuế, áp dụng chế độ thuế linh hoạt cho ngành công nghiệp dân tộc truyền thống. Đồng thời, khuyến khích các ngành trong nước nhanh chóng phát triển, nâng cao sức cạnh tranh quốc tế. *Ba là*, vận dụng điều khoản bảo đảm và điều khoản ngoại lệ về cân bằng thu chi ngoại hối của WTO, Trung Quốc tiến hành bảo hộ khẩn cấp đối với nền kinh tế quốc dân phát triển không cân bằng. Nếu như gia nhập WTO làm cho nhập khẩu tăng mạnh dẫn tới tình trạng nhập siêu ngoại thương và mất cân bằng thu chi, hoặc khi một ngành nghề nào đó, do nhập khẩu tăng cao mà xuất hiện tình trạng doanh nghiệp phá sản và công nhân mất việc làm, thì có thể lần lượt áp dụng điều ước và điều khoản bảo hộ ngoại lệ cân bằng thu chi ngoại hối, tiến hành hạn chế đối với nhập khẩu.

Việc nắm chắc các điều luật của WTO, tận dụng các điều khoản ngoại lệ, tiến hành bảo hộ trọng điểm đối với các ngành trong nước, vừa đảm bảo không vi phạm các điều luật và quy định của WTO, vừa tạo điều kiện cho các ngành kinh tế và hoạt động ngoại thương Trung Quốc phát triển.

3. Điều chỉnh chính sách ngoại thương một cách liên tục và triệt để, theo lộ trình hợp lý, gắn với khai thác lợi thế cạnh tranh và tối đa hoá lợi ích thương mại

Nghiên cứu thực tiễn quá trình điều chỉnh chính sách ngoại thương của Trung Quốc, chúng ta thấy, tích cực mở cửa thông

qua tự do hóa thương mại, thực hiện đầy đủ và sáng tạo các cam kết với WTO, tuân thủ theo một lộ trình hợp lý là một trong các bài học kinh nghiệm đối với các nước.

Thực tiễn cho thấy, các quốc gia thực hiện mở cửa kinh tế thường đã có nền kinh tế phát triển nhanh hơn nhiều, so với các quốc gia có nền kinh tế đóng cửa. Cũng như vậy, các nước thực hiện tự do hoá thương mại theo cam kết với WTO một cách triệt để và sâu rộng, thường thu được nhiều lợi ích hơn, các nước thực hiện nửa vời, chậm chạp. Nhiều nước sau khi tự do hoá thương mại, mới gia nhập WTO, vẫn tiếp tục cải cách thương mại triệt để và sâu rộng. Các nước đó, thường đạt được mức tăng trưởng kinh tế cao hơn, chẳng hạn như Hàn Quốc và vùng lãnh thổ Đài Loan.

Thực hiện các cam kết WTO phải tuân thủ một lộ trình hợp lý. Trước hết là, thực hiện cắt giảm thuế quan, phi thuế quan để tận dụng lợi ích ngắn hạn từ việc gia nhập. Tiếp đến là, thực hiện cải cách thể chế kinh tế theo hướng minh bạch, để dự đoán dễ tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh. Mở cửa thị trường hàng hóa trước, rồi đến đầu tư, dịch vụ và sở hữu trí tuệ. Sau khi gia nhập WTO, môi trường xuất khẩu của Trung Quốc được cải thiện mạnh mẽ, xã hội có nhiều thay đổi, tiến trình cải cách, mở cửa trong nước được thúc đẩy nhanh. Trước khi gia nhập WTO, các nhà đầu tư nước ngoài thường phàn nàn về tính minh bạch, nhưng sau khi gia nhập WTO, tính minh bạch về chính sách thương mại, đầu tư được cải thiện rõ rệt, hệ thống pháp luật và hành chính được vận hành và tổ chức phù hợp với những

quy định của WTO. Sau khi gia nhập WTO, đồng thời với việc hưởng những quyền lợi của thể chế mậu dịch đa biên, các doanh nghiệp còn phải đối mặt với sự cạnh tranh trực tiếp của thị trường quốc tế. Những cải cách thể chế ngoại thương đã giúp cho Trung Quốc tận dụng được cơ hội để nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, mở rộng thị trường. Thương mại hàng hóa phát triển rất nhanh và đạt tới quy mô hiệu quả đối với nền kinh tế. Trên cơ sở thực hiện các cam kết với WTO, Trung Quốc mở rộng lĩnh vực ngoại thương, lấy mở rộng ngành dịch vụ làm trọng điểm. Trung Quốc chủ trương mở rộng cửa đối ngoại cho lĩnh vực tài chính, mở rộng tỉ lệ cơ cấu đầu tư tài chính bằng cách góp cổ phần, cải thiện tình trạng mở cửa của ngành ngân hàng. Đẩy mạnh mở cửa các ngành bưu chính viễn thông, đường sắt, bến cảng, vận tải thương mại, sự nghiệp công cộng. Thúc đẩy các ngành này cải cách thể chế và chuyển đổi cơ chế kinh doanh, tiếp thu những hình thức và kinh nghiệm quản lý mới, nâng cao hiệu suất và trình độ phục vụ.

Cải cách thể chế ngoại thương đã làm thay đổi môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, giảm bảo hộ, giảm trợ cấp, đã khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nâng cao sức cạnh tranh. Sau 9 năm gia nhập WTO, các doanh nghiệp của Trung Quốc đã vươn lên cạnh tranh khá hiệu quả với các doanh nghiệp nước ngoài, xuất hiện nhiều doanh nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế cao. Đây là thành quả của công cuộc đổi mới sau khi gia nhập WTO, mang lại lợi ích dài hạn và lợi thế cạnh tranh động cho các doanh nghiệp Trung Quốc.

Việt Nam cũng tiến hành những cải cách sâu rộng như Trung Quốc và đã gặt hái được những kết quả nhất định. Tăng trưởng xuất khẩu cao, đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng nhanh, thị trường trong nước phát triển mạnh, các thể chế thị trường được mở rộng và ngày càng phát triển như chứng khoán, bất động sản, phân phối. Tuy nhiên, những cải cách chưa thật sự triệt để. Chúng ta mới tận dụng được lợi thế cạnh tranh tĩnh, chứ chưa khai thác được lợi thế cạnh tranh động, do việc thực hiện các cam kết WTO mang lại. Chẳng hạn, trong lĩnh vực xuất khẩu, cơ cấu hàng xuất khẩu chậm chuyển dịch theo hướng nâng tỷ trọng hàng chế tạo có giá trị gia tăng cao. Trong 10 năm trở lại đây, tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghệ cao hầu như không thay đổi, dao động trong khoảng 6-8%, trong khi đó, Trung Quốc, sau 9 năm gia nhập WTO, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này tăng từ 20% năm 2001 lên 35% năm 2009, năm 2010 tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc đạt mức cao chưa từng có, vượt ngưỡng 2.900 tỷ USD, đánh dấu một bước phục hồi mạnh mẽ sau cơn suy thoái năm 2009 – thời điểm mà ngoại thương Trung Quốc giảm 14% so với năm 2008 xuống còn 2.210 tỷ USD.

4. Nắm vững và áp dụng điều khoản bảo hộ phi thuế quan thông dụng quốc tế trong quá trình điều chỉnh chính sách ngoại thương

Xét về lịch trình phát triển mậu dịch quốc tế, biện pháp nhập khẩu hạn chế phi thuế quan so với biện pháp nhập khẩu hạn chế thuế quan có tính linh hoạt và

tránh được nhiều điều xấu hơn. Trung Quốc gia nhập WTO phải ra sức học tập kinh nghiệm và biện pháp của các nước khác, tăng cường nghiên cứu, vận dụng các biện pháp phi thuế quan như các tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết lập hệ thống kiểm nghiệm tiêu chuẩn và chế độ thẩm tra kỹ thuật tương ứng, không cho phép những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn vào trong nước. Ví dụ, về ngành hàng xe ô tô, Trung Quốc đã tạo rất nhiều bước đệm về thuế cho xe và phụ tùng ô tô nhập khẩu. Thông qua việc nâng thuế ở các bước đệm này, Trung Quốc tăng giá thành xe nhập khẩu mà không vi phạm các điều khoản WTO. ở Trung Quốc, các công ty nước ngoài không được phép buôn bán xe nhập khẩu, trừ trường hợp các công ty này liên doanh với một công ty của Trung Quốc. Các loại xe sang trọng của Đức như Mercedes, BMW, Audi cũng phải trải qua 50.000 km chạy thử, phải kiểm tra tiêu chuẩn khí thải “Euro 1”, mặc dù tất cả các xe sản xuất ở châu Âu đều đã phải thỏa mãn tiêu chuẩn khí thải cao hơn nhiều là “Euro 4”. Thế nhưng, phần lớn loại xe sang trọng của Đức đều không vượt qua được cuộc sát hạch này, đơn giản là do nhân viên kiểm tra (cố ý) điều khiển máy đo không chính xác. Chuyện rất thường xảy ra ở Trung Quốc là các xe nhập khẩu đều bị hải quan giữ lại để kiểm tra các thùng gỗ đóng gói xe có... côn trùng hay không. Tất cả các phiên toái này đều phục vụ một mục đích duy nhất: lợi nhuận từ xe nhập khẩu giảm, mức độ nhập khẩu giảm, các nhà sản xuất phải mang công nghệ sản xuất xe vào Trung Quốc để sản xuất tại chỗ.

5. Chú trọng các lĩnh vực nhạy cảm, thận trọng khi mở cửa thị trường dịch vụ, nhất là thị trường tài chính

Đây là bài học kinh nghiệm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ đối với vấn đề điều chỉnh chính sách ngoại thương, mà còn cả đối với toàn bộ nền kinh tế đất nước. Như trên đã phân tích, quá trình mở cửa nền kinh tế ở Trung Quốc được cân nhắc khá kỹ lưỡng các lĩnh vực có ảnh hưởng đến ổn định kinh tế xã hội, những ngành sử dụng nhiều lao động, chiếm vị trí then chốt trong nền kinh tế, những ngành mà sự thay đổi ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô như ngân hàng, phân phối. Trung Quốc là nước đang trong quá trình chuyển đổi, kinh tế thị trường chưa hoàn thiện, vì vậy, Trung Quốc rất thận trọng trong việc mở cửa đối với một số lĩnh vực dịch vụ nhạy cảm như ngân hàng, bảo hiểm, thị trường chứng khoán, văn hoá, giáo dục... Nếu ngân hàng nước ngoài được kinh doanh tiền tệ thì khi họ nâng lãi suất lên người dân sẽ rút tiền tại các ngân hàng trong nước để gửi vào những ngân hàng nước ngoài với lãi suất cao hơn và sẽ tạo ra khó khăn cho ngân hàng trong nước. Ngân hàng, tiền tệ là những công cụ điều tiết vĩ mô, nếu đổ vỡ sẽ đưa đến những hậu quả khôn lường. Trong lĩnh vực chứng khoán cũng tương tự như vậy bởi nước ngoài đã có nhiều kinh nghiệm, trong khi hoạt động chứng khoán đối với Trung Quốc còn mới mẻ, chưa có kinh nghiệm. Do đó, trong lĩnh vực ngân hàng, các ngân hàng nước ngoài không dễ dàng thâm nhập thị trường Trung Quốc, mặc dù Trung Quốc đã thỏa mãn những điều khoản gia nhập

WTO. Bởi vì, khi một ngân hàng nước ngoài muốn mở chi nhánh ở Trung Quốc, thì phải đặt tiền thế chấp hàng triệu đôla. Nếu ngân hàng nào muốn kinh doanh bằng Nhân dân tệ, thì đòi hỏi thế chấp này sẽ tăng lên gấp rất nhiều lần. Do đó, ít ngân hàng nước ngoài có đủ khả năng để mở chi nhánh độc lập làm ăn tại Trung Quốc.

Mục tiêu của Trung Quốc trong lĩnh vực tài chính là rất rõ ràng và khôn khéo: Các ngân hàng nước ngoài tạo sức ép với các ngân hàng trong nước, nhưng các ngân hàng nước ngoài không được chiếm thị phần quá lớn trong lĩnh vực này. Để đạt mục tiêu đó, Trung Quốc cho các ngân hàng nước ngoài đầu tư vào các ngân hàng trong nước với tư cách là một cổ đông nhỏ, vốn đầu tư nước ngoài không được quá 25%, trong đó một nhà đầu tư không được phép quá 20%. Chiến lược này nhằm vào ba mục đích: thứ nhất, với tư cách là cổ đông nhỏ, các ngân hàng nước ngoài không có đủ số phiếu để tham gia quyết định; thứ hai, muốn cho đầu tư của mình có hiệu quả, thì các ngân hàng nước ngoài phải cung cấp kiến thức, công nghệ... trong lĩnh vực tài chính cho các ngân hàng Trung Quốc; thứ ba, có sự đầu tư của các ngân hàng danh tiếng trên thế giới, giá trị của các ngân hàng Trung Quốc tăng lên đáng kể, và qua đó, các nhà đầu tư khác cũng chú ý đến.

Tương tự như trong ngành ngân hàng, ngành phân phối, cũng được cân nhắc kỹ khi mở cửa thị trường. Với lộ trình mở cửa hợp lý, ngành phân phối của Trung Quốc không bị áp lực cạnh tranh thâu tóm từ phía các hãng phân phối lớn của nước ngoài, trái lại,

được mở rộng và vươn lên nắm giữ vị trí thống lĩnh ở các thành phố lớn.

6. Nhanh chóng xây dựng các biện pháp ứng phó với những điều khoản “bất lợi” của WTO

Khi Trung Quốc cam kết 5 năm sau mở cửa quyền bán buôn dầu mỏ nhập khẩu, có nhiều người lo ngại ngành bán buôn, bán lẻ dầu mỏ bị xô đẩy mạnh không chịu nổi. Nhưng các nhà lãnh đạo Trung Quốc khẳng định rằng, vĩnh viễn không, hoặc ít ra cũng không thể mở cửa quyền chuyên doanh nhập khẩu dầu mỏ. 5 năm sau việc nhập khẩu dầu mỏ vẫn do 3 tổng công ty của Trung Quốc là: Tổng công ty hoá dầu, Tổng công ty hoá chất Trung Quốc, Tổng công ty dầu mỏ khí đốt, độc quyền nhập khẩu. Các doanh nghiệp nước ngoài muốn bán buôn phải đến mua dầu ở mỏ Đại Khánh, hoặc ở Tổng công ty hoá dầu Trung Quốc để bán buôn, chỉ được làm người bán hàng cấp 2.

Như vậy, thực hiện chính sách này đã làm giảm bớt đi nhiều ý nghĩa của việc cam kết 5 năm sau mở cửa thị trường bán buôn dầu mỏ nhập khẩu khi cam kết với WTO. Vì thế, đằng sau những lời cam kết cần phải có những cơ chế và biện pháp tương ứng để kiểm chế, đó là điều quan trọng. Một ví dụ nữa, Trung Quốc cam kết sau 2 năm, 12 thành phố sẽ được mở cửa “cho phép” các công ty bảo hiểm của nước ngoài vào làm ăn. Nhiều người cho rằng bước đi như vậy là quá lớn. Nhưng theo cách của Trung Quốc, thì việc “cho phép” không nhất thiết và không đồng nghĩa muốn là được, mà còn phải có sự phê chuẩn. Hai cái đó rất khác xa nhau. Trung

Quốc cũng áp dụng thực tế từ Mỹ. Người Mỹ từ trước đến nay không nói là "không cho phép", nhưng rất nhiều việc khi thực tế làm họ lại thực hiện "không cho phép". Mỹ từ trước tới nay chưa hề nói các địa phương của nước Mỹ không cho phép mở cửa với nước ngoài, nhưng các ngân hàng công thương, ngân hàng nước ngoài của Trung Quốc đề nghị đặt chi nhánh tại Mỹ đã hơn 10 năm vẫn chưa được phê chuẩn. Như vậy, cho phép không có nghĩa là nhất định phải phê chuẩn. Vì thế, với cách "cho phép" của Trung Quốc như vậy, sau 2 năm các công ty bảo hiểm nước ngoài muốn vào kinh doanh tại 12 thành phố của Trung Quốc "cần phải phê chuẩn từng công ty một"; có được cấp giấy phép hay không còn phải xem xét nhà nước có cần hay không, điều kiện có phù hợp hay không.

Thực hiện các biện pháp ứng phó với những điều khoản "bất lợi" khi cam kết với WTO nêu trên, thực sự là Trung Quốc đã không thực hiện nghiêm túc các cam kết, nhưng lại không bị quy là vi phạm điều luật. Điều đó tạo thuận lợi cho sự phát triển và trỗi dậy của các doanh nghiệp Trung Quốc.

Tương tự như Trung Quốc, càng hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn thì khả năng bị khởi kiện liên quan đến thương mại càng cao. Từ 1994-2009, Việt Nam chịu tổng cộng 42 vụ kiến chống phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại. Riêng từ năm 2007 đến nay, có 13 vụ khởi kiện liên quan đến Việt Nam. Trong thời gian tới, nhiều hàng hóa của Việt Nam sẽ phải đối mặt với các vụ kiện thương mại, đặc biệt là các vụ kiện liên quan đến chống trợ cấp trong nước do chính phủ sử dụng

nhiều biện pháp khác nhau trong giai đoạn suy giảm kinh tế. Do là nền kinh tế phi thị trường trong WTO nên khả năng thắng kiện của Việt Nam không cao. Đây là tác động tiêu cực của cam kết WTO đối với nền kinh tế. Tuy nhiên, cũng cần nhận thức rằng, chúng ta chưa có những biện pháp hữu hiệu để giảm bớt những thiệt hại từ các vụ kiện tranh chấp thương mại, kể cả từ phía nhà nước và doanh nghiệp. Thể chế kinh tế nước ta cần phải hoàn thiện hơn nữa theo hướng thị trường, các doanh nghiệp phải tuân thủ những quy định trong thương mại quốc tế.

7. Điều chỉnh chính sách ngoại thương đồng thời với việc điều chỉnh đồng bộ các thể chế kinh tế

Như trên đã phân tích, cải cách kinh tế theo hướng hội nhập phải tuân thủ nguyên tắc cải cách đồng bộ các thể chế kinh tế thị trường như thể chế sở hữu, thể chế quản lý ngành, thể chế ổn định vĩ mô, thể chế quản lý rủi ro và bảo hiểm xã hội. Điều này là hết sức cần thiết để duy trì sự phát triển bền vững. Trung Quốc cũng đặt ra mục tiêu này nhưng chưa thực hiện một cách triệt để. Sau khi gia nhập, Trung Quốc quá chú trọng đến phát triển kinh tế, nền kinh tế phát triển nóng, chứa đựng nhiều nguy cơ mất cân đối và thiếu bền vững.

Đó đó, điều chỉnh chính sách thương mại phải phục vụ duy trì được tốc độ phát triển kinh tế thích hợp. Phương thức tăng trưởng phải hướng theo cả chiều rộng và chiều sâu, nếu chỉ chú trọng tăng trưởng đạt tốc độ cao, sẽ xuất hiện việc tăng cao

đầu tư, lạm phát tăng, vật giá tăng, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế, dẫn theo sự bất ổn về văn hoá, chính trị, xã hội. Bên cạnh đó, cũng không thể duy trì tăng trưởng thấp, vì như vậy sẽ dẫn đến tình trạng thất nghiệp, các doanh nghiệp sẽ bị thua lỗ, ảnh hưởng mạnh đến nền kinh tế.

Khi gia nhập WTO, sẽ khiến lượng hàng hoá nhập khẩu và xuất khẩu tăng mạnh do thuế quan giảm hay bị xoá bỏ. Như vậy, hàng hoá sẽ tràn ngập thị trường trong khi sự can thiệp và sự kiểm soát của nhà nước vào thị trường sẽ giảm so với trước đây, do đó việc điều chỉnh thể chế thương mại phải tính đến lợi ích của người dân, những người tiêu dùng cuối cùng.

Khi thương mại phát triển mạnh, việc điều chỉnh thể chế dẫn đến tăng trưởng kinh tế nhanh, cũng là quá trình phân hóa giàu nghèo, thường có sự chênh lệch quá lớn giữa thành thị và nông thôn, ví dụ như, chênh lệch về thu nhập, phân phối không công bằng. Cần phải dùng các chính sách để thu hẹp khoảng cách chênh lệch, có thể trích một phần ngân sách trong việc xoá đói giảm nghèo. Điều này có tác dụng trong việc giữ gìn ổn định xã hội.

Để đảm bảo cho sự phát triển của đất nước, Trung Quốc đã tích cực thực hiện những biện pháp nhằm giảm bớt những mâu thuẫn gay gắt giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, thực hiện việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Chính phủ luôn đưa ra các biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội như, khắc phục tình trạng nghèo đói, sự tụt hậu về y tế, giáo dục, nạn thất nghiệp. Ngân sách

nhà nước tăng cho các dịch vụ công cộng, cho hệ thống an sinh xã hội. Chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp, nông thôn được triển khai rộng khắp. Gắn sự tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, chính là hướng đến sự phát triển kinh tế bền vững ở Trung Quốc.

Ngoài ra, chính sách phát triển quá nhanh và mạnh, không quan tâm đúng mức đã dẫn đến nạn ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Hơn 60% lượng nước của Trung Quốc bị ô nhiễm, độc hại, bởi các hoá chất và chất thải công nghiệp. Theo Ngân hàng thế giới (WB), trong số 20 thành phố bị ô nhiễm nặng nhất thế giới, có tới 17 thành phố là của Trung Quốc. Sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế vẫn phải dựa vào buôn bán nước ngoài và phải trả giá bằng hao phí năng lượng cao, ô nhiễm cao... Để giải quyết tình trạng môi sinh, gia tăng nỗ lực bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã đưa ra kế hoạch phát triển mới, trong đó đặc biệt chú ý phát triển nền kinh tế tri thức, tạo ra hàm lượng chất xám cao. Việc theo đuổi một nền kinh tế tri thức là con đường duy nhất giúp Trung Quốc điều hoà và giải quyết vấn đề bảo vệ môi trường với sự tăng trưởng kinh tế tốc độ cao, phát triển bền vững.

Ngay sau khi được là thành viên của WTO, Trung Quốc đã nhanh chóng điều chỉnh, thực hiện một loạt các biện pháp, chính sách và áp dụng sâu rộng từ Trung ương xuống các địa phương. Đó là các biện pháp: thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế phát triển theo hướng thị trường, xây dựng hệ

thống quản lý theo các nguyên tắc của WTO; Điều chỉnh quy hoạch ngành, đặc biệt là ngành nông nghiệp, theo hướng ưu tiên ngành có lợi thế và cho xuất khẩu; Thu hút vốn và công nghệ từ bên ngoài, chú trọng công nghệ cao, chuẩn hóa chỉ tiêu, thông số kỹ thuật; áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với một số ngành dễ bị tổn thương, hoặc dễ có tác động xấu đến đời sống của người nông dân; Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển thông qua quỹ phát triển (khuyến khích các doanh nghiệp lớn đầu tư ra nước ngoài, tạo điều kiện giải quyết vấn đề liên quan tới các vụ kiện chống bán phá giá, khuyến khích giao dịch điện tử, hỗ trợ đăng ký thương hiệu, phát triển kết cấu hạ tầng...); Hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tàu, tạo điều kiện thúc đẩy liên kết, hợp tác kinh doanh; Đào tạo nguồn nhân lực thông qua các khóa học bồi dưỡng, công tác truyền thông; Phối hợp đào tạo giữa viện, trường, trung tâm, và bộ ngành; Bảo vệ môi trường sinh thái thông qua việc xây dựng các khu sinh thái nông thôn, khu phát triển bền vững nông thôn, khu nông nghiệp sạch, khu nông sản sạch, khu nông sản hữu cơ.

Chẳng hạn, Trung Quốc đã áp dụng một số điều chỉnh và biện pháp, chính sách ở tỉnh Quảng Tây, khi Trung Quốc đã là thành viên của WTO như sau⁽¹⁾:

- Tổ chức các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài để nghiên cứu kinh nghiệm của các nước khi gia nhập WTO.

- Xuất bản sách tuyên truyền kiến thức về các nguyên tắc của WTO, các hiệp định

trong WTO, trong đó có hiệp định về nông nghiệp; tuyên truyền về cơ hội và thách thức của Quảng Tây khi Trung Quốc là thành viên của WTO.

- Tổ chức lớp học giới thiệu các nguyên tắc của WTO; nội dung các hiệp định trong WTO; phổ biến những nghiên cứu phân tích thách thức, cơ hội của việc thực hiện các cam kết WTO đối với Trung Quốc nói chung, cũng như đối với tỉnh Quảng Tây nói riêng. Các học viên là cán bộ, nhà nghiên cứu về nông nghiệp, trực tiếp tham gia phân tích thách thức và lợi thế cạnh tranh của nông nghiệp Quảng Tây, sau đó thảo luận, đưa ra kiến nghị cụ thể điều chỉnh quy hoạch và chính sách, biện pháp khả thi phát triển đối với nông nghiệp.

- Ở tỉnh người ta thành lập quỹ phát triển tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển. Quỹ phát triển giúp các doanh nghiệp đầu tàu nhằm lôi kéo các hợp tác xã (hợp tác xã chuyên ngành, hợp tác xã cung tiêu, hiệp hội chuyên ngành và ngành nghề nông nghiệp) cùng phát triển; giúp các doanh nghiệp trong nước xử lý các vụ kiện về bán phá giá; tạo điều kiện để các doanh nghiệp giao dịch thông qua thương mại điện tử; thành lập trung tâm giao dịch thương mại hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu; hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký thương hiệu (nhằm sử dụng qui chế tối huệ quốc); hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng (thủy lợi, đường xá...).

- Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật sản xuất, chế biến chất lượng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Khuyến khích các doanh nghiệp xin cấp

chứng chỉ quốc tế ISO 9001, ISO 14000 về môi trường.

- Bảo vệ môi trường sinh thái ở tỉnh bằng cách xây dựng các khu sinh thái nông thôn, khu nông thôn phát triển bền vững, khu rừng bảo hộ và khuyến khích nông dân sử dụng bếp ga sinh học, đồng thời kết hợp giải quyết năng lượng cho nông dân. Đến tháng 12 năm 2005 đã xây dựng xong 11 khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia; có 2,7 triệu bếp ga sinh học được đưa vào sử dụng, chiếm 34,2% hộ có bếp ga; 50 khu thí điểm rau sạch; 182 khu nông sản sạch; 26 khu nông sản “hữu cơ”. Tại Quế Lâm, với phương châm làm cho các hộ gia đình sống sạch sẽ, nâng cao hiệu quả của hoạt động nông nghiệp, đã xây dựng được các mô hình điển hình ở nông thôn như “chăn nuôi - bếp ga - trồng cây” (phân chuồng có được từ chăn nuôi dùng làm nguyên liệu cho bếp ga sinh học, chất thải sau khi đốt được dùng bón cho cây trồng) và “ruộng lúa - cá - đèn” (cá có thể ăn các con sâu bọ vấy xung quanh đèn do thấp sáng, phân cá được dùng để bón cho ruộng lúa).

CHÚ THÍCH:

(1) Theo Viện Nghiên cứu quản lý T.W

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS, TS. Nguyễn Kim Bảo (2006), *Gia nhập WTO, Trung Quốc làm gì và được gì?*, Nxb Thế giới.
2. Cốc Nguyên Dương (2006), *Trung Quốc 10 năm đầu thế kỷ XXI: phát triển và*

hợp tác, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 1/2006.

3. Nguyễn Thanh Hà (2006), *Kinh nghiệm của Trung Quốc trên con đường gia nhập WTO*, Nhà xuất bản Tư pháp.
4. PGS, TS. Võ Đại Lược (Chủ biên) (2004), *Trung Quốc gia nhập tổ chức thương mại thế giới: Thời cơ và thách thức*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. PGS, TS. Võ Đại Lược (2008), *Thâm Quyển phát triển thần kỳ, hiện đại hoá, quốc tế hoá*. Nhà xuất bản Thế giới.
6. PGS, TS. Đỗ Tiến Sâm (2005), *Trung Quốc gia nhập WTO - Kinh nghiệm với Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội.
7. PGS, TS. Đỗ Tiến Sâm (2008), *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc: thực trạng và giải pháp*, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa.
8. GS, TS. Võ Thanh Thu – GS, TS. Đoàn Thị Hồng Vân – GS, TS. Nguyễn Đông Phong (2009): *Cẩn nang phòng ngừa và đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá đối với hàng xuất khẩu Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
9. He Fancass (19-05-2009), <http://www.eaber.org/intranet/documents>
10. Vo Tri Thanh & Nguyen Anh Duong (2009), *Vietnam after Two Years of WTO Accession: What Lessons Can Be Learnt?*, ASEAN Economic Bulletin Vol. 26, No.1, pp.115-1135
11. Phương Thảo, *Ngoại thương Trung Quốc lập kỷ lục trong năm 2010*, <http://tamnhin.net>.
12. Việt Phương, *Ngoại thương Trung Quốc năm 2010*, <http://tamnhin.net>.
13. Triển vọng của ngoại thương Trung Quốc trong năm 2011 <http://ttnn.com.vn/country/52/news/28720>.